

Bản án số: 180 /2019/DS-ST

Ngày: 31-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Nguyễn Chí Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử B Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: 82 B đường 339, tổ 4, khu phố 5, phường B, Quận 9.

Bị đơn: Ông Phạm Võ Hoàng T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 19 đường 898, khu phố 4, phường P, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Anh K, sinh năm 1964

Địa chỉ: 82 B đường 339, tổ 4, khu phố 5, phường B, Quận 9.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/4/2015, vợ chồng bà có cho ông Phạm Võ Hoàng T vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Ngày

14/4/2015, ông T tiếp tục vay thêm của vợ chồng bà số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5%/tháng.

Ngày 01/5/2015, ông T có trả lãi cho số tiền vay 50.000.000 đồng là 2.500.000 đồng. Ngày 14/5/2015, ông T có trả lãi cho số tiền vay 30.000.000 đồng là 1.500.000 đồng. Từ đó đến nay ông T không trả lãi như đã thỏa thuận cũng như không trả gốc khi đến hạn. Bà nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ gốc nhưng ông T không trả. Bà khởi kiện yêu cầu ông T trả ngay cho bà số nợ gốc 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, không yêu cầu vợ ông T cùng liên đới trả số nợ này.

Bị đơn là ông Phạm Võ Hoàng T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Anh K thống nhất nội dung trình bày của bà H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Phạm Võ Hoàng T trả ngay số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Anh K thống nhất yêu cầu của bà H.

Bị đơn ông Phạm Võ Hoàng T vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Võ Hoàng T (địa chỉ: phường P, Quận 9) trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm Võ Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng vay mượn tiền ngày 01/4/2015 giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Võ Hoàng T có cơ sở xác định ông T có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, có thỏa thuận trả lãi vào ngày 01 hàng tháng theo thỏa thuận riêng.

Căn cứ Hợp đồng vay mượn tiền ngày 14/4/2015 giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Võ Hoàng T có cơ sở xác định ông T có vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, có thỏa thuận trả lãi vào ngày 14 hàng tháng theo thỏa thuận riêng.

[2.3] Xét từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều không đến Tòa án tham gia và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả lãi và thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho bà H.

[2.4] Theo lời khai của bà H thì đôi bên có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng và bà H đã nhận tiền lãi từ ông T với tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

Theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy lãi suất vay không được vượt quá $150\% \times 9\%/năm = 13,5\%/năm$ (1,125%/tháng).

Xét lãi suất các đương sự thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật nên cần điều chỉnh cho phù hợp.

[2.5] Số lãi trong hạn và quá hạn ông T phải trả được tính như sau:

+ Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng:

- Lãi trong hạn (từ 01/4/2015 đến 01/7/2015) = 50.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng = 1.687.500 đồng.

- Lãi quá hạn (từ 01/7/2015 đến ngày 31/5/2019) = 50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 47 tháng = 17.625.000 đồng.

+ Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng:

- Lãi trong hạn (từ ngày 14/4/2015 đến ngày 14/5/2015) = 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng = 337.500 đồng.

- Lãi quá hạn (từ ngày 15/5/2015 đến ngày 31/5/2019) = 30.000.000 đồng x 0,025%/ngày x 1.447 ngày = 10.852.500 đồng.

Tổng số tiền lãi ông T phải trả cho bà H là 30.502.500 đồng.

Như vậy số tiền lãi bà H đã nhận từ ông T chưa vượt quá số lãi ông T phải trả theo quy định nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Võ Hoàng T phải nộp là $(80.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.000.000 \text{ đồng}$.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0039451 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 475 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị H:

Buộc ông Phạm Võ Hoàng T có trách nhiệm phải trả cho bà Trần Thị H và ông Lương Anh K số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Võ Hoàng T phải nộp án phí 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Hoàn lại cho bà Trần Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0039451 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo